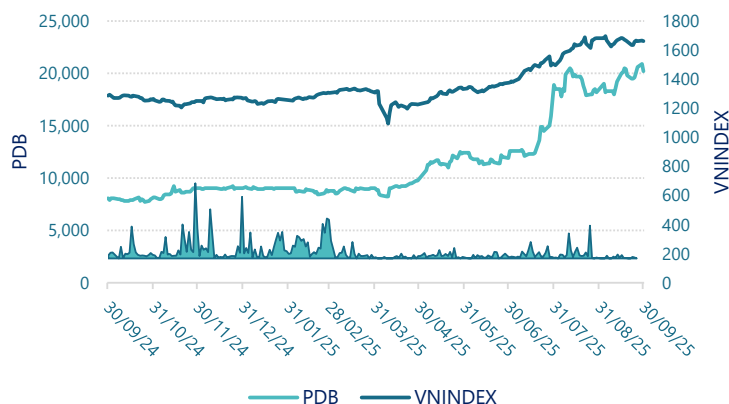


CTCP Tập đoàn đầu tư Din Capital (HNX: PDB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	20,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,719
SL cổ phiếu LH	8,909,981
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,715
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	180
P/E	4.5
EPS	4,442

DT thuần

Q3/25

122

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.00 | -3.9%

YoY: ▲27.4 | 29.0%

LN sau thuế

Q3/25

20.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲4.90 | 30.7%

YoY: ▲12.6 | 152%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

21.3%

+/- YoY: ▲10.6%

DT thuần

9T 2025

321

tỷ VNĐ

YoY: ▲96.0 | 42.8%

LN sau thuế

9T 2025

41.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲30.2 | 259%

ROE

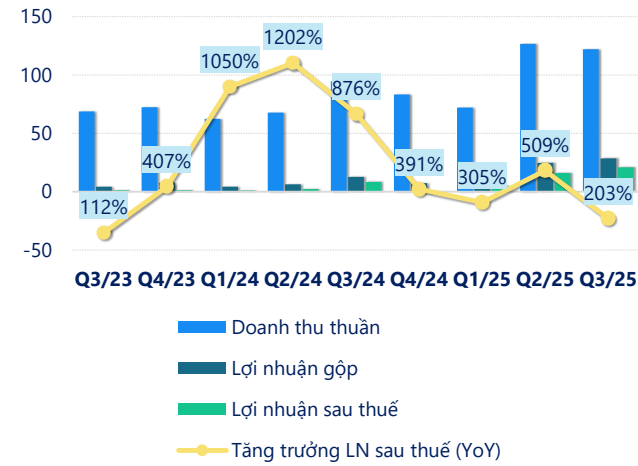
Q3/25

26.7%

+/- YoY: ▲17.1%

tỷ VNĐ

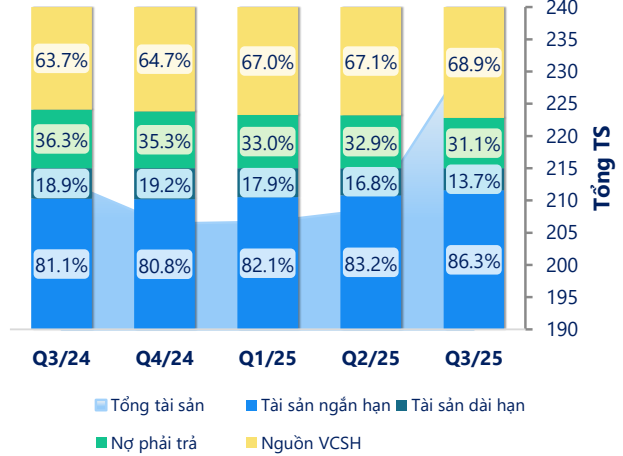
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

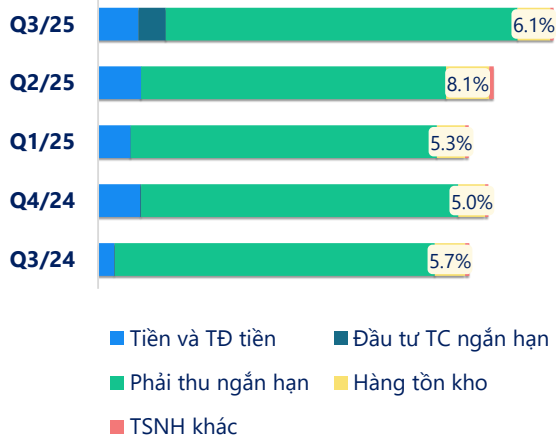
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



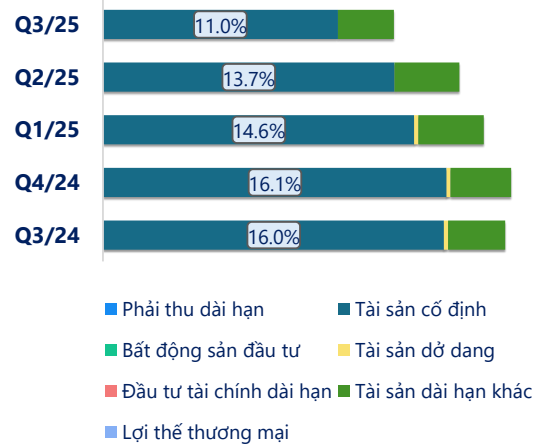
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

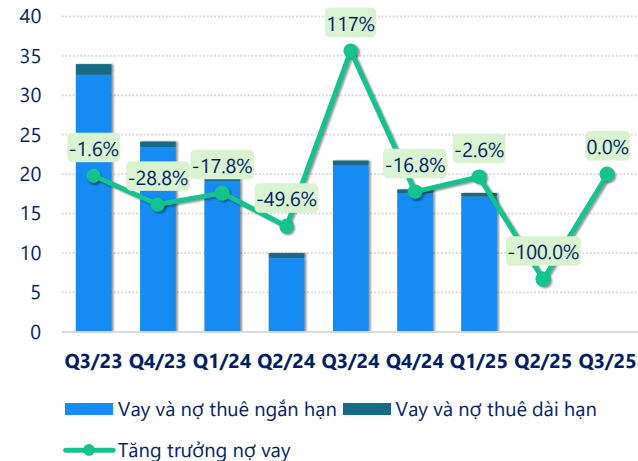
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

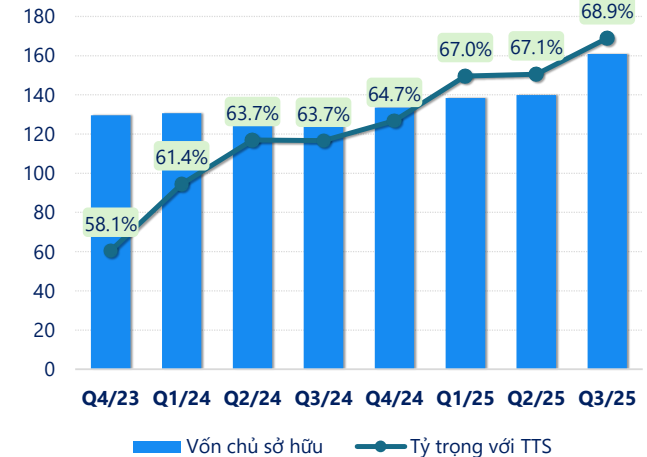
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

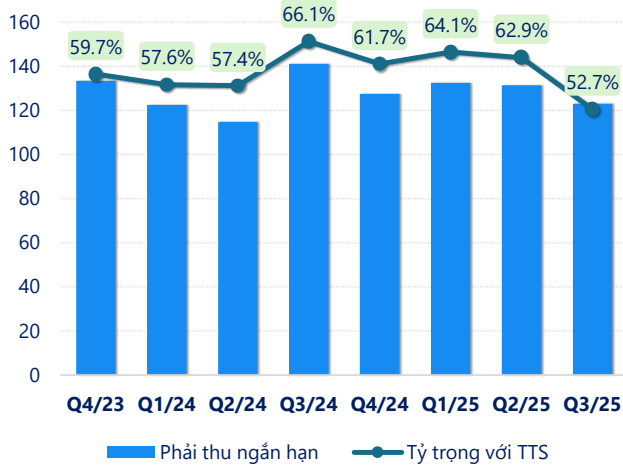
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



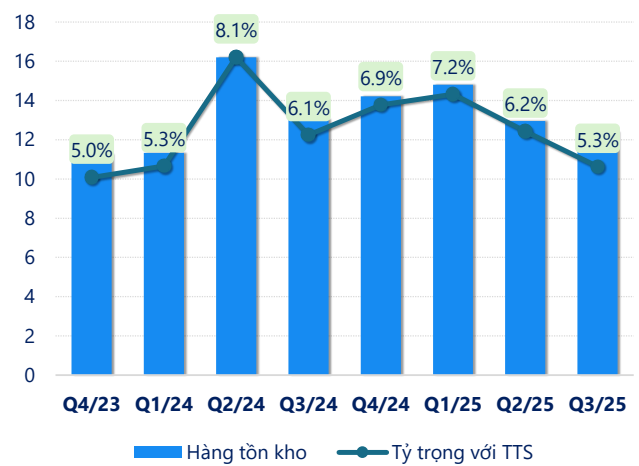
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


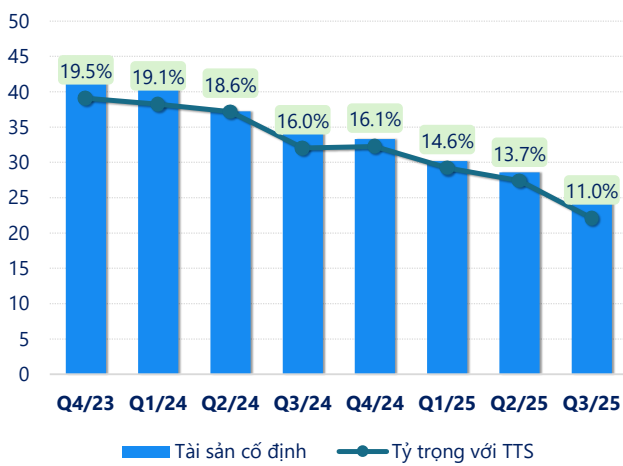
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


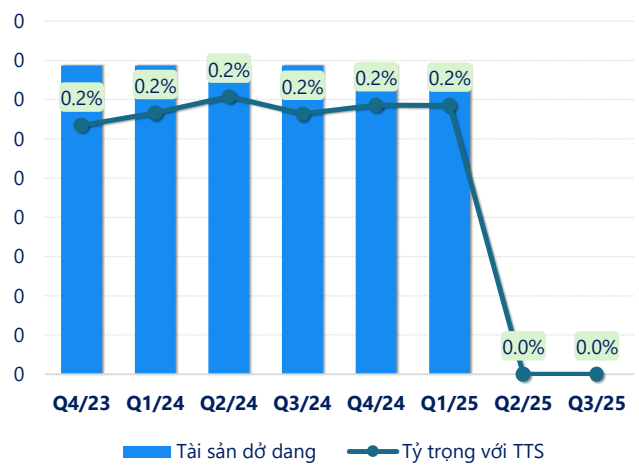
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

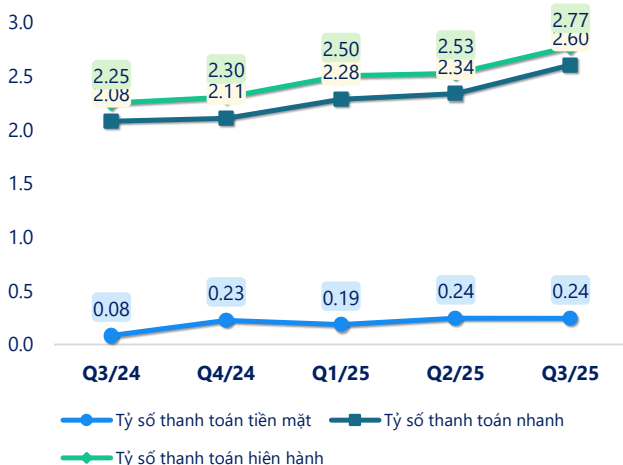
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

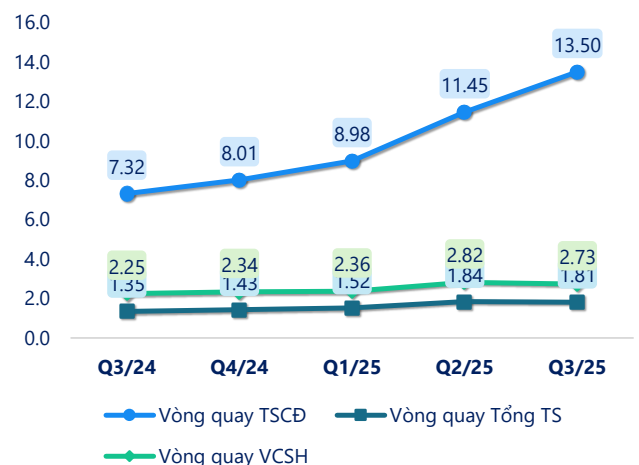
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	213	206	207	209	233
Tài sản ngắn hạn	173	167	170	174	201
Tiền và tương đương tiền	6.46	16.3	12.6	16.8	17.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.0	8.01	8.51	11.5	47.5
Phải thu ngắn hạn	141	127	132	131	123
Hàng tồn kho	13.1	14.2	14.8	13.0	12.4
Tài sản ngắn hạn khác	1.32	0.89	1.35	1.03	0.82
Tài sản dài hạn	40.3	39.6	37.0	35.0	31.9
Phải thu dài hạn	0.05	0.05	0.05	0	0
Tài sản cố định	34.1	33.3	30.2	28.6	25.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.39	0.39	0.39	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	5.74	5.88	6.37	6.37	6.17
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	77.5	72.9	68.3	68.7	72.6
Nợ ngắn hạn	76.8	72.4	67.8	68.7	72.6
Vay và nợ thuê ngắn hạn	21.1	17.6	17.1	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	48.6	45.9	45.4	53.9	54.8
Nợ dài hạn	0.63	0.47	0.47	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0.63	0.47	0.47	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	136	133	138	140	161
Vốn chủ sở hữu	136	133	138	140	161
Vốn điều lệ	89.1	89.1	89.1	89.1	89.1
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)